

Bản án số: **27/2021/HSST**
Ngày: 03/03/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Lưu.

Ông Nguyễn Hữu Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hoài - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:
Ông Dương Bá Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2021/HSST ngày 27/01/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST - HS ngày 19/02/2021 đối với bị cáo:

1. **Tạ Hồng D**, sinh năm 1985 tại tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã P, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông: Tạ Quốc G; Con bà: Nguyễn Thị H; Vợ: Phạm Thị H (đã ly hôn); Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự như sau:

- có 02 tiền sự ngoài thời hiệu vào các năm 2009 và năm 2011 về hành vi trộm cắp tài sản.

- Ngày 27/3/2009, Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 227/2009/HSST; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/6/2009. Đã được xóa án tích.

- Ngày 12/6/2014, Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội "Xâm phạm chỗ ở của công dân" theo bản án số 30/2014/HSST; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/02/2015. Chưa được xóa án tích.

- Ngày 29/3/2016, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xử phạt 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo bản án số 13/2016/HSST. Trong Bản án này, Tạ Hồng D thực hiện trộm cắp 16 vụ cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/9/2020. Chưa được xóa án tích.

Lần phạm tội này của Tạ Hồng D được xác định là tái phạm nguy hiểm.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 05/11/2020, tạm giam từ ngày 14/11/2020 đến nay tại Trại tạm giam số 1 Công an Thành phố Hà Nội, số giam 303a1/21 - Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn H, sinh năm 1995 tại tỉnh Tuyên Quang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở hiện nay: Thôn H, xã K, huyện Đông A, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Cao Lan; Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Con ông: Nguyễn Văn M; Con bà: Trần Thị H; Vợ: chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự như sau: Ngày 20/8/2014, Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 97/2014. Chấp hành xong hình phạt từ ngày 06/11/2014. Chấp hành xong án phí ngày 10/12/2014. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, bị tạm giữ từ ngày 05/11/2020, tạm giam từ ngày 14/11/2020 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đông Anh – Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Văn Dũng – Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước – Chi nhánh số 5, Thành phố Hà Nội – Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa

Bị hại:

1. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn T, xã Đông H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn L, xã D, huyện Đ, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Trần Văn T, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn L, xã D, huyện , Thành phố Hà Nội – Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Chị Chu Thị H, sinh năm 1968; HKTT: số 39, L, Q, phường V, quận Đ, Hà Nội; Hiện đang trú tại: Khu tái định cư X, xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Danh Đ, sinh năm 1981; HKTT: Đội 6, xã Y, huyện H, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Anh Bùi Trọng H, sinh năm 1982; trú tại: Thôn B, xã K, huyện Đ, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986; HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Hiện ở: Thôn H, xã K, huyện Đông, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vụ thứ nhất, thứ hai và thứ 3: Khoảng 0 giờ ngày 02/11/2020, H điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen bạc, BKS: 29Y3-171.20 chở D đi tìm nhà dân có sơ hở để đột nhập trộm cắp tài sản. Khi cả hai đi đến cổng

Trung tâm Văn hóa Thể thao thôn T, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, D bảo H dừng xe và đứng cạnh giới, còn D đi bộ vào trong ngách 238/98 đường Đông Hội, phát hiện cửa ban công tầng 2 của gia đình anh Phạm Văn V đang mở. D bỏ dép ở ngõ, trèo tường, leo lên mái tôn, trèo lên ban công tầng 2 đi vào trong nhà anh V. D bật đèn điện thoại (nhãn hiệu Nokia 1280) soi phòng ngủ bên trái, lấy được một chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL màu trắng trên bàn học cạnh giường ngủ cất vào chiếc ba lô màu hồng để ở góc phòng rồi mang xuống tầng 1, tiếp tục lấy một chiếc điện thoại động nhãn hiệu OPPO màu đen để trên kệ ti vi phòng khách cho vào túi quần. Dân đi vào phòng ngủ của vợ chồng anh V lấy thêm một chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu vàng và một chiếc túi xách trên bàn làm việc, lục lọi chiếc túi xách lấy được hơn 500.000 đồng. Sau đó, D đi đôi dép tông nhãn hiệu Biti's màu đen - đỏ của anh V để ở thêm nhà, trèo tường tẩu thoát ra ngoài, vớt lại chiếc túi xách và đôi dép của mình ngoài ngõ. H điều khiển xe máy chở D ra đường Quốc lộ 3, đi về hướng cầu Đuống. Qua cây xăng Tiên Hội khoảng 100m, H dừng xe, D lấy 02 chiếc điện thoại di động vừa trộm cắp được cho vào trong ba lô trộm cắp được và giấu vào bụi cỏ ven đường để tránh bị phát hiện.

Sau đó, các bị cáo đi tiếp đường Quốc lộ 3, rẽ vào đường L, xã D. H đỗ xe trước cửa nhà dân số 64 đường D, còn D đi bộ vào cuối ngõ gần đó, trèo tường vào nhà ông Nguyễn Văn H, nhưng không mở được khóa cửa nên không lấy được tài sản gì. D trèo tường ra, đi bộ trở ra phía đầu ngõ và phát hiện cửa sổ tầng 2 của gia đình chị Nguyễn Thu H đang mở, không có chấn song bảo vệ, nên D đã trèo lên bờ tường của nhà bên cạnh, cởi áo khoác ngoài, rồi leo lên mái tôn, trèo qua cửa sổ đột nhập vào bên trong. D dùng đèn điện thoại soi và đi xuống tầng 1, lấy một chiếc ví nam giả da màu đen để trên nóc tủ lạnh phòng bếp, mang lên tầng 3 lục soát lấy được 740.000 đồng. D vớt lại ví rồi vào phòng ngủ của vợ chồng chị H ở tầng 2, lấy một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9 màu xanh ngọc (đang cắm sạc để ở cửa sổ cạnh đầu giường) cho vào túi quần. Sau đó, D quay lại phòng ngủ ban đầu đột nhập lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 màu đen để trên bàn học, cho vào túi quần rồi leo qua cửa sổ tẩu thoát ra ngoài, rồi cùng H tiếp tục quay trở ra đường Quốc lộ 3. Khi đến cầu L thuộc xã M, D giấu hai chiếc điện thoại vừa trộm được vào bụi cỏ chân cầu và bảo H: “anh em mình quay lại làm tiếp”.

H chở D quay lại đường thôn L khoảng 100m. Phát hiện cửa tầng 3 nhà anh Trần Văn T, không khóa thì H dừng xe đứng cạnh giới, còn D trèo lên cây sấu trước cửa nhà, vào ban công tầng 2, bám vào cột nhà leo lên tầng 3, rồi đi xuống phòng ngủ tầng 1 (không có người nằm), thấy một con lợn đựng tiền tiết kiệm ở dưới chân bàn trang điểm, cầm lắc không thấy có tiền nên bỏ lại. D tiếp tục lục soát, lấy được một chiếc đồng hồ đeo tay nữ nhãn hiệu MICHAEL KORS mặt tròn bằng kim loại màu vàng và 100.000 đồng trong ngăn kéo bàn trang điểm và trong túi xách (của chị Vũ Ngọc H – vợ anh T) treo ở móc treo quần áo góc phòng. Ra ngoài phòng khách, D lấy được 220.000 đồng trong chiếc ví nam của anh T để ở kệ tivi. D bỏ lại ví rồi đi lên tầng 2. Lúc này vợ chồng anh T phát hiện có người lạ đột nhập nên bật đèn. Biết bị phát hiện nên D đi lên tầng 3 rồi tẩu thoát ra ngoài.

Sau đó H chở D đi lấy các tài sản do phạm tội mà có đã cất giấu trước đó rồi đi về phòng trọ, cùng nhau kiểm tra tài sản vừa trộm cắp được. D đã chia cho H 500.000 đồng rồi đi ngủ.

Đến khoảng 08h ngày 02/11/2020, H nhờ anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986; HKTT: Thôn A, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; đang ở cùng phòng trọ, bán hộ chiếc máy tính nhãn hiệu DELL (trộm cắp được của gia đình anh V). Anh T mang máy tính bán cho anh Trần Danh Đ, sinh năm 1981; HKTT: Đội 6, xã Y, huyện H, Thành phố Hà Nội, được 5.100.000 đồng rồi về đưa tiền cho H. H cho anh T 100.000 đồng tiền công đi bán nhưng anh T không lấy.

Đến khoảng 11h cùng ngày, H cầm 03 chiếc điện thoại di động (gồm 01 chiếc Iphone 6 màu vàng, 01 chiếc Oppo màu đen và 01 chiếc Samsung A11 màu đen – trộm cắp được của gia đình anh V và chị H) bán cho anh Bùi Trọng H, sinh năm 1982; HKTT: thôn B, xã Kim C, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, là chủ cửa hàng điện thoại di động “Hương Hiền” số 32, đường Đ, thôn B, xã K, được 2.900.000 đồng.

H bán cho anh Nguyễn Đức T chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9 màu xanh ngọc với giá 2.500.000 đồng.

Tổng số tiền bán tài sản trộm cắp được 10.500.000 đồng, H chia cho D 5.000.000 đồng. Số tiền chia nhau từ các tài sản chiếm đoạt được các bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 05/11/2020, H điều khiển xe máy Honda Wave màu đỏ đen bạc, BKS: 29Y3-171.20 chở D đến Khu tái định cư X, xã X, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Phát hiện cửa sổ tầng 2 của gia đình chị Chu Thị H, đang mở, bên trong không có chấn song bảo vệ, nên D bảo H đứng canh giới còn D trèo lên cây sấu, đi qua mái tôn nhà ông Nguyễn Đắc H - sang mái nhà chị H. D chui qua cửa sổ tầng 2 vào bên trong lục soát, không lấy được tài sản gì. D đi lên tầng 4 lấy một chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Ipad 4 màu bạc, một chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu bạc và một chiếc ba lô nhãn hiệu HAMI màu hồng (của cháu Đỗ Trâm A – con gái chị H) ở sàn nhà. D đi xuống tầng 3, lấy chiếc ví giả da móc cùng một chùm chìa khóa đang treo ở lan can cầu thang. D mang ví xuống tầng 2 mở ví, lấy 380.000 đồng rồi cầm chùm chìa khóa đi xuống tầng 1. D mở cốp xe máy Honda Vision màu đỏ, BKS: 29E2-197.19 (của chị H) lục soát nhưng không có tài sản gì nên đi lên tầng 2, cho chiếc Ipad và điện thoại di động Iphone 6 vào ba lô rồi trèo qua cửa sổ ra ngoài, cùng H quay về phòng trọ ngủ.

Khoảng 14h cùng ngày, khi H chuẩn bị mang chiếc máy tính bảng Ipad 4 và chiếc điện thoại Iphone 6 đi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an phát hiện. Tiến hành khám xét khẩn cấp phòng trọ của Nguyễn Văn H, thu giữ các đồ vật, tài liệu sau:

Tam giữ của Nguyễn Văn H:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu LGV40 màu xám bên trong lắp sim số 0862961345; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc.

- 01 chiếc máy tính bảng Ipad màu bạc.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh.
- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen bạc, BKS: 29Y3-171.20, số khung: RLHHC12042Y036774, số máy: HC12E -2536826.
- 01 mỏ lết bằng kim loại có chiều dài khoảng 02cm
- 03 chiếc ba lô màu đen, 01 balo màu hồng, 01 balo màu xanh.
- 01 đồng hồ đeo tay mặt hình tròn màu vàng;
- 01 đồng hồ đeo tay điện tử màu đen.
- 01 áo khoác có mũ màu nâu bên trong lớp áo lông màu trắng.

Tam giữ của Tạ Hồng D:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen;
- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, vỏ máy dán tem số Imei: 357452090852056, bên trong lắp sim số thuê bao 0969628980 (dãy số trên mặt sim: 8984048000046360427) và 01 thẻ nhớ Samsung 64EVO.
- 01 ví giả da màu nâu bên trong có 320.000 đồng; 01 (một) đôi dép tông nhãn hiệu Biti's màu đen viền đỏ.
- 01 túi đồ nghề bên trong có: 08 tua vít 02 đầu dài 10cm, mỗi đầu tua vít có các hình dạng khác nhau, 01 quần băng dính hai mặt tối màu (đã sử dụng).
- 01 mũ lưỡi chai màu đen có chữ ICON.
- 01 áo khoác màu ghi.
- 01 (một) giấy đăng ký xe máy mang tên Phạm Thị H, 01 (một) giấy phép đăng ký xe máy mang tên Triệu Thị H.

Tam giữ của anh Nguyễn Đức T:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9 màu xanh ngọc kèm sim 0911116919.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu trắng kèm sim 0969221986.
- 01 ví da màu đen bên trong có 6.900.000 đồng.
- 01 xe máy nhãn hiệu Honda SH mode màu ghi bạc, BKS: 21B1-509.72, số khung: RLHJF511GFY215416, số máy: JF51E-0350038.
- 01 (một) giấy phép lái xe máy, 01 (một) giấy phép lái xe ô tô, 01 (một) chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Đức T, 02 (hai) thẻ ATM; 01 (một) giấy bán xe máy.

Tam giữ của Ninh Văn C: 01 điện thoại di động Samsung S20 kèm 02 sim; 01 điện thoại Samsung Galaxy A9 không có sim không bật được nguồn; 01 điện thoại Samsung Galaxy A8 không có sim; 01 xe máy Honda Wave RSX BKS 89G1-04931.

Tam giữ của Phùng Ngọc Đ: 01 điện thoại di động Nokia màu đen (không bật được nguồn để kiểm tra); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F11 Pro gắn 02 sim.

Tam giữ của Trần Danh Đ: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL màu trắng bạc Core i5.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 465/HĐ ĐGTS ngày 17/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Đông Anh kết luận trị giá các tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt như sau:

1. Vụ Trộm cắp tài sản của gia đình anh Phạm Văn V tại thôn T, xã Đ, hiueenj Đ ngày 02/11/2020:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, bộ nhớ 32GB trị giá 2.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen trị giá 2.500.000 đồng; 02 (hai) sim điện thoại số thuê bao 0984656938 và 0983501073 trị giá 100.000 đồng;

- 01 (một) chiếc máy tính xách tay màu trắng nhãn hiệu DELL trị giá 20.000.000 đồng;

- 01 (một) chiếc túi xách giả da màu vàng, phần miệng túi có chiều ngang khoảng 30cm, phần đáy túi có chiều ngang khoảng 20cm, chiều cao khoảng 40cm, chiều rộng khoảng 15cm, miệng túi có khóa kéo trị giá 500.000 đồng; 01 (một) chiếc ba lô bằng vải màu hồng, chiều cao khoảng 50cm, chiều ngang khoảng 30cm, chiều rộng khoảng 20cm trị giá 100.000 đồng; 01 (một) chiếc ví giả da màu hồng, kích thước khoảng 07x07cm trị giá 200.000 đồng;

- 01 (một) đôi dép tông nhãn hiệu Biti's màu đen đỏ trị giá 100.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản của gia đình anh Phạm Văn Vũ bị chiếm đoạt (tính cả số tiền mặt 500.000 đồng) là: 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng).

2. Vụ Trộm cắp tài sản của gia đình chị Nguyễn Thu H tại thôn L, xã D ngày 02/11/2020:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note9 vỏ màu xanh ngọc, trị giá 4.790.000 đồng; 01 (một) chiếc sim điện thoại số 0985736032 trị giá 50.000 đồng;

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 vỏ màu đen trị giá 2.000.000 đồng; 01 (một) chiếc sim điện thoại số 0927377130 trị giá 50.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản của gia đình chị Nguyễn Thu H bị chiếm đoạt (tính cả số tiền mặt 740.000 đồng) là: 7.630.000 đồng (bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Vụ Trộm cắp tài sản của gia đình anh Trần Văn T tại số 142, thôn L, xã D ngày 02/11/2020:

- 01 (một) chiếc đồng hồ đeo tay nữ nhãn hiệu MICHAEL KORS mặt tròn bằng kim loại màu vàng trị giá 1.050.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản gia đình anh Trần Văn T bị chiếm đoạt (tính cả số tiền mặt 320.000 đồng) là: 1.370.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

4. Vụ Trộm cắp tài sản của gia đình chị Chu Thị H tại số 11, khu tái định cư X (dân cư chợ Dầu), xã X ngày 05/11/2020: 01 (một) chiếc máy tính bảng Ipad 4 màu bạc trị giá 3.000.000 đồng; 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu bạc trị giá 2.000.000 đồng; 01 (một) chiếc sim điện thoại số 0832240207 trị giá 50.000 đồng; 01 (một) chiếc ba lô nhãn hiệu HAMI màu hồng trị giá 50.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản gia đình chị Chu Thị H bị chiếm đoạt (tính cả số tiền mặt 380.000 đồng) là: 5.480.000 đồng (năm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt trong 04 vụ án trên là: 40.480.000 đồng (bốn mươi triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 14/CT - VKS ngày 26/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đã truy tố Tạ Hồng D và Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”. Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và kết luận Tạ Hồng D, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự - Xử phạt: Nguyễn Văn H từ 02 năm đến 03 năm tù.

- Căn cứ điểm b và điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm - Xử phạt: Tạ Hồng D từ 05 năm đến 06 năm tù.

- Buộc các bị cáo liên đới phải bồi thường cho anh Phạm Văn Vũ số tiền 5.900.000 đồng trong đó kỷ phần của mỗi bị cáo là 2.950.000 đồng.

- Buộc các bị cáo phải truy nộp số tiền thu lời bất chính.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LGV40 vỏ màu xám, bên trong lắp sim số 0862961345; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu đen, số Imei: 356678051895319 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, bên trong lắp sim số thuê bao 0969628980 và 01 thẻ nhớ Samsung 64EVO.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo khoác có mũ màu vàng nâu bên trong lớp áo lông màu trắng; 01 chiếc mũ lưỡi chai vải màu đen có chữ ICON phía trước màu trắng; 01 chiếc áo khoác gió màu ghi đen có hai cánh tay màu xanh.

Tại Phiên tòa các bị cáo giao nộp biên lai thu tiền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh để bồi thường cho người bị hại; Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, không kêu oan và cùng đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ cho mình một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Điều tra Công an huyện Đông Anh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra vụ án nên có đủ căn cứ kết luận trong khoảng thời gian từ ngày 02/11/2020 đến ngày 05/11/2020 các bị cáo liên tiếp thực hiện 04 hành vi trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 0 giờ ngày 02/11/2020, tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội, các bị cáo đã trộm cắp của anh Phạm Văn V, sinh năm 1973 các tài sản sau: 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL màu trắng trên bàn học cạnh giường ngủ; 01 chiếc ba lô màu hồng để ở góc phòng ; 01 chiếc điện thoại động nhãn hiệu OPPO màu đen để trên kệ ti vi phòng khách; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu vàng tại phòng ngủ và một chiếc túi xách trên bàn làm việc, bên trong có hơn 500.000 đồng và 01 đôi dép tông nhãn hiệu Biti's màu đen - đỏ của anh V để ở thêm nhà. Tổng giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt của anh Tư là 26.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngay sau khi trộm cắp tại gia đình anh Phạm Văn V, Tạ Hồng D và Nguyễn Văn H tiếp tục đột nhập trộm cắp tài sản của gia đình chị Nguyễn Thu H tại thôn L, xã D các tài sản gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note9 vỏ màu xanh ngọc kèm sim; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 vỏ màu đen kèm sim, tiền mặt 740.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 7.630.000 đồng.

Vụ thứ ba: Ngay sau khi trộm cắp vụ thứ 2, Tạ Hồng D và Nguyễn Văn H tiếp tục đột nhập trộm cắp tài sản của gia đình anh Trần Văn T tại số 142, thôn L, xã D, các tài sản gồm: 01 chiếc đồng hồ đeo tay nữ nhãn hiệu MICHAEL KORS mặt tròn bằng kim loại màu vàng; tiền mặt 320.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt là: 1.370.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 0 giờ 30 phút ngày 05/11/2020, Tạ Hồng D và Nguyễn Văn H đã đột nhập vào nhà của chị Chu Thị H tại số 11, khu tái định cư X (dân cư chợ Dâu), xã X và thực hiện hành vi trộm cắp các tài sản gồm: 01 chiếc máy tính bảng Ipad 4 màu bạc; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu bạc kèm sim; 01 chiếc ba lô nhãn hiệu HAMI màu hồng; tiền mặt 380.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 5.480.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt trong 04 vụ án trên là: 40.480.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội. Các bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị Nhà nước quy định là tội phạm, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện

hành vi, lợi dụng sự sơ hở của các chủ tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Tài sản mà các bị cáo trộm cắp có giá trị là **40.480.000** đồng.

Như vậy hành vi của Nguyễn Văn H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như kết luận của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

Ngày 27/3/2009, Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xử phạt Tạ Hồng D 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 227/2009/HSST; Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/6/2009. Bản án này đã được xóa án tích; Ngày 12/6/2014, Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố Hà Nội xử phạt Tạ Hồng D phạt 15 tháng tù về tội “Xâm phạm chỗ ở của công dân” theo bản án số 30/2014/HSST; Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/02/2015. Bản án này chưa được xóa án tích; Ngày 29/3/2016, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên xử phạt Tạ Hồng D phạt 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 13/2016/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/9/2020. Bản án này cũng chưa được xóa án tích.

Trong Bản án số 13/2016/HSST ngày 29/3/2016, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên đã xác định Tạ Hồng D cùng đồng bọn đã thực hiện khoảng 30 hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 16 hành vi có cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” độc lập. Ngay sau khi chấp hành xong hình phạt của bản án này thì bị cáo lại tiếp tục thực hiện 04 hành vi trộm cắp tài sản và bị truy tố và xét xử lần này. Do vậy lần phạm tội này của Tạ Hồng D được xác định là tái phạm nguy hiểm và phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Như vậy hành vi của Tạ Hồng D đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, như kết luận của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Đây là tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đã tác động đến gia đình và người thân để nộp tiền bồi thường toàn bộ theo yêu cầu của người bị hại và đã giao nộp Biên lai thu tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Đây là tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trong khoảng thời gian từ ngày 02 đến ngày 05/11/2020 các bị cáo đã thực hiện 04 hành vi trộm cắp tài sản. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, như đề xuất của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh là có căn cứ.

Bị cáo Tạ Hồng D phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, tuy nhiên đây là tình tiết đã được xác định là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo, do vậy không áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Lần phạm tội này bị cáo Tạ Hồng D đã thực hiện 04 hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên tình tiết này đã được thu hút và được xác định là tình tiết định khung hình phạt là “Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, do vậy **không áp dụng** là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do vậy đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh đề xuất áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ.

Bởi vậy đối với các bị cáo, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội; mới đủ tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như có tác dụng phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị phạt tiền để nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo là người lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Anh Nguyễn Đức T khi mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9 màu xanh ngọc của H và bán hộ cho H chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL, anh Trọng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Kết quả điều tra không có căn cứ kết luận anh T đồng phạm với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” cũng như phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, nên Cơ quan Điều tra không đề cập xem xét xử lý là có căn cứ.

Anh Trần Danh Đ: không biết chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL mua của anh T là tài sản do phạm tội mà có. Kết quả điều tra không có căn cứ kết luận anh Đ đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” cũng như phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Cơ quan Điều tra không đề cập xem xét xử lý là có căn cứ.

Anh Bùi Trọng H: khi mua 03 chiếc điện thoại di động của H không biết những tài sản trên do phạm tội mà có. Tài liệu điều tra không có căn cứ chứng minh hành vi của anh Bùi Trọng H đồng phạm với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” cũng như phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Cơ quan Điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[4] Phùng Ngọc Đ (tức M): khai nhận vào tháng 9 và tháng 10 năm 2020, Đ một mình trộm cắp 02 vụ trên địa bàn quận B, Thành phố Hà Nội. Quá trình điều tra không đủ căn cứ kết luận Phùng Ngọc Đ trộm cắp tài sản. Ngoài ra, Đ khai nhận trong khoảng tháng 8 và tháng 9 năm 2020, Nguyễn Văn N lái xe taxi chở Đ và Ninh Văn C đến địa bàn quận L, Thành phố Hà Nội trộm cắp được 03 vụ. Tuy nhiên, Ninh Văn C và Nguyễn Văn N khai không tham gia cùng Phùng Văn Đ vụ trộm cắp nào. Kết quả điều tra không có căn cứ kết luận Phùng Ngọc Đ, Ninh Văn C, Nguyễn Văn N có hành vi “Trộm cắp tài sản”. Cơ quan Điều tra đã tách tài liệu, hành vi của các đối tượng nêu trên để làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Đối tượng tên là H, là người đã cho bị cáo H mượn chiếc xe máy mà H đã sử dụng làm phương tiện phạm tội. Kết quả tra cứu chiếc xe máy này là tang vật của vụ án khác, Cơ quan Điều tra đã xác minh, nhưng chưa rõ lai lịch địa chỉ của đối

tượng tên là H. Do vậy Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an huyện Đông Anh đã ra thông báo truy tìm đối tượng H và tách rút hành vi của H cùng chiếc xe máy để làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Đối với các đồ vật, tài sản tạm giữ của Nguyễn Văn H gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LGV40 vỏ màu xám, bên trong lắp sim số 0862961345; bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc áo khoác có mũ màu vàng nâu bên trong lớp áo lông màu trắng bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu đen; số Imei: 355914052125591; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu xanh, số Imei: 357751103942790; 01 chiếc mỏ lết bằng kim loại có chiều dài khoảng 20cm; 02 chiếc ba lô màu đen; 01 chiếc đồng hồ điện tử màu đen là tài sản cá nhân của H, không phải vật chứng của vụ án. Bị cáo H bị tạm giam trong quá trình điều tra nên đề nghị trao trả tài sản trên cho anh ruột là Nguyễn Văn N, sinh năm 1993; Trú tại thôn P, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, nên Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng và đã trao trả cho anh N là có căn cứ và phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu bạc, số Imei: 359479087586254; 01 chiếc máy tính bảng Ipad 4 màu bạc, số Imei: 990004102865429; 01 chiếc ba lô bằng vải màu hồng nhãn hiệu HAMI là tài sản của chị Chu Thị H bị trộm cắp ngày 05/11/2020. Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho chị Chu Thị H là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc đồng hồ đeo tay nữ nhãn hiệu MICHAEL KORS (mặt sau có ký hiệu ALL STAINLESS STEEL 251501) mặt hình tròn, dây bằng kim loại màu vàng là tài sản của chị Vũ Ngọc H (vợ anh Trần Văn T) bị trộm cắp ngày 02/11/2020. Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho chị Vũ Ngọc H, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc ba lô màu đen là tài sản của anh T, không liên quan đến vụ án. Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh T, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc ba lô màu xám là tài sản cá nhân của bị cáo D, không phải vật chứng của vụ án. Bị cáo D bị tạm giam trong quá trình điều tra nên đề nghị trao trả tài sản trên cho ông Phạm Văn H (bố vợ bị cáo D). Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả tài sản cho ông H, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen bạc, BKS: 29Y3-171.20, kết quả điều tra xác định chủ sở hữu chiếc xe máy trên là ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1960; HKTT: thôn Đ, xã Đ, huyện U, Thành phố H. Cuối năm 2018, chiếc xe trên bị trộm cắp tại ngõ 193, đường P, phường P, quận B, Thành phố Hà nội. Bị cáo H khai nhận chiếc xe trên mượn của bạn tên H (khoảng sinh năm: 1996, quê ở Phú Thọ, không rõ địa chỉ cụ thể) vào cuối tháng 9/2020. Cơ quan Điều tra tách chiếc xe máy trên để bàn giao vật chứng cho Cơ quan CSĐT – Công an quận B, Thành phố Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ.

[5.2] Đối với các đồ vật, tài liệu tạm giữ của Tạ Hồng D:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu đen, số Imei: 356678051895319; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, bên trong lắp sim số thuê bao 0969628980 và 01 thẻ nhớ Samsung 64EVO, bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc mũ lưỡi chai vải màu đen có chữ ICON phía trước màu trắng; 01 chiếc áo khoác gió màu ghi đen có hai cánh tay màu xanh, bị cáo sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, điểm c khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Số tiền 320.000 đồng là tài sản do phạm tội mà có cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (được trừ vào số tiền mà bị cáo phải truy nộp).

- 01 ví giả da màu nâu là tài sản cá nhân của D, không phải vật chứng của vụ án. Do bị tạm giam trong quá trình điều tra nên D đề nghị trao trả lại tài sản trên cho ông Phạm Văn H (bố vợ D); 01 giấy đăng ký xe máy mang tên Phạm Thị H là tài sản của ông Phạm Văn H, không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông Phạm Văn H, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 giấy phép đăng ký xe máy mang tên Triệu Thị H là giấy tờ xe D mượn của anh Nguyễn Đức T, không liên quan đến vụ án. Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh T, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 túi đồ nghề bên trong có 08 mũi tô vít loại 02 đầu (mỗi mũi dài 10cm, mỗi đầu tua vít có các hình dạng khác nhau); 01 cuộn băng dính hai mặt tối màu đã qua sử dụng là tài sản cá nhân của bị cáo H, không phải vật chứng của vụ án. Bị cáo H đề nghị trao trả lại tài sản trên cho anh ruột là Nguyễn Văn N. Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh N, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 đôi dép tông nhãn hiệu Biti's màu đen viền đỏ là tài sản của anh Phạm Văn V bị trộm cắp ngày 02/11/2020. Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật

chứng trao trả lại cho anh V, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5.3] Các đồ vật, tài liệu tạm giữ của anh Nguyễn Đức T:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9 vỏ màu xanh ngọc là tài sản của chị Nguyễn Thu H bị trộm cắp ngày 02/11/2020. Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị H, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc sim số thuê bao 0911116919; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 màu hồng, bên trong lắp sim số thuê bao 0969221986; 01 chiếc ví giả da màu đen bên trong có 6.900.000 đồng, 01 giấy phép lái xe máy, 01 giấy phép lái xe ô tô, 01 (một) chứng minh nhân dân đều mang tên Nguyễn Đức T, 02 thẻ ATM; 01 giấy bán xe máy; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda SH mode sơn màu ghi bạc, BKS: 21B1-509.72, là tài sản hợp pháp của anh T, không liên quan đến vụ án. Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh T, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5.4] Đồ vật, tài liệu tạm giữ của anh Phùng Ngọc Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ màu đen không sim; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ màu xanh, bên trong lắp các sim số thuê bao 0918211166 và 0911211166 là tài sản cá nhân của anh Phùng Ngọc Đ, không liên quan đến vụ án. Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh Đ, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5.5] Đồ vật, tài liệu tạm giữ của anh Ninh Văn C: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A8 vỏ màu đen, bên trong không lắp sim; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S20 màu xanh, bên trong lắp sim số thuê bao 0355610966 và 0563785769; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S9 vỏ màu xanh (không bật được nguồn) là tài sản cá nhân của anh Ninh Văn C, không liên quan đến vụ án. Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh C, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu trắng đen, BKS: 89G1-049.31, số khung: RLHJC5236CY010568; số máy: JC52E-5205676, tài liệu điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Phạm Thị H, sinh năm 1990; HKTT: Thôn T, Phù Cừ, Hưng Yên – (vợ đã ly hôn của bị cáo D). Từ cuối năm 2019 chị H đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khoảng cuối tháng 9/2020, ông Phạm Văn H, sinh năm: 1963 - bố đẻ chị H cho bị cáo Tạ Hồng D mượn chiếc xe máy và giấy đăng ký chiếc xe trên làm phương tiện đi lại. Chiếc xe máy trên là tài sản của ông Phạm Văn H, Cơ quan Điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả cho ông H, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5.6] Đồ vật, tài liệu tạm giữ của anh Trần Danh Đ: 01 chiếc máy tính nhãn hiệu DELL màu bạc CORE i5 là tài sản của anh Phạm Văn V bị trộm cắp ngày

02/11/2020. Cơ quan điều tra đã Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại cho anh V, là có căn cứ và phù hợp quy định tại quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5.7] Những điện thoại mua được của H gồm 01 chiếc Iphone 6 màu vàng, 01 chiếc Oppo màu đen và 01 chiếc Samsung A11 màu đen (trộm cắp được của gia đình anh V và chị H), anh H đã chạy lại phần mềm và bán, thay thế linh kiện cho khách (không xác định được) nên Cơ quan Điều tra không thu hồi được.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Anh Phạm Văn V yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 5.900.000 đồng. Xét thấy các tài sản mà bị cáo đã trộm cắp của anh Phạm Văn V chưa thu hồi được và được định giá gồm: 01 (một) chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, bộ nhớ 32GB trị giá 2.000.000 đồng; 01 (một) điện thoại di động OPPO màu đen trị giá 2.500.000 đồng; 02 (hai) sim điện thoại số thuê bao 0984656938 và 0983501073 trị giá 100.000 đồng; 01 (một) chiếc máy tính xách tay màu trắng nhãn hiệu DELL trị giá 20.000.000 đồng; 01 (một) chiếc túi xách giả da màu vàng, trị giá 500.000 đồng; 01 (một) chiếc ba lô bằng vải màu hồng, trị giá 100.000 đồng; 01 (một) chiếc ví giả da màu hồng, kích thước khoảng 07x07cm trị giá 200.000 đồng; và 500.000 đồng. Tổng cộng là 5.900.000 đồng.

Do vậy buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Phạm Văn V số tiền 5.900.000 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Trong đó kỷ phần của mỗi bị cáo là 2.950.000 đồng.

- Tài sản của chị Nguyễn Thu H bị trộm cắp chưa thu hồi được gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 vỏ màu đen trị giá 2.000.000 đồng; 01 (một) chiếc sim điện thoại số 0927377130 trị giá 50.000 đồng và số tiền 740.000 đồng. Do chị H không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên buộc các bị cáo phải truy nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tài sản của anh Trần Văn T, bị trộm cắp chưa thu hồi được gồm: 320.000 đồng. Do anh T không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên buộc các bị cáo phải truy nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tài sản của chị Chu Thị H bị trộm cắp chưa thu hồi được gồm: 380.000 đồng. Do H không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên buộc các bị cáo phải truy nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Anh Trần Danh Đ đã mua chiếc máy tính nhãn hiệu DELL với giá 5.100.000 đồng và đã giao nộp để trả lại cho anh T, nhưng do anh Đ không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên buộc các bị cáo phải truy nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Nguyễn Đức T đã mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Redmi Note 9 màu xanh ngọc với giá 2.500.000 đồng và đã giao nộp để trả lại cho chị Nguyễn Thu H, nhưng do anh T không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên buộc

các bị cáo phải truy nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tổng số tiền các bị cáo phải truy nộp là 11.540.000 đồng. Trong đó kỷ phần của mỗi bị cáo là 5.770.000 đồng. Trong đó bị cáo Tạ Hồng D được trừ số tiền 320.000 đồng đã bị thu giữ theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản tại kho bạc Nhà nước huyện Đông Anh lập ngày 27/01/2021 - Tài khoản số: 3949.0.9056757.00000.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí, Lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. ***Tuyên bố:*** Các bị cáo Tạ Hồng D và Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. ***Căn cứ vào:***

- Điểm b và điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, áp dụng đối với Tạ Hồng D.

- Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, áp dụng đối với Nguyễn Văn H.

- Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí, Lệ phí Tòa án.

3. **Về hình phạt:**

- Xử phạt: ***Tạ Hồng D*** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2020.

- Xử phạt: ***Nguyễn Văn H*** 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2020.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

4. **Về trách nhiệm dân sự:**

- Buộc bị cáo Tạ Hồng D phải bồi thường cho anh Phạm Văn V, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội số tiền 2.950.000 (hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn) đồng. Được trừ vào số tiền 2.950.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2016/6091 ngày 03/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận Bị cáo đã bồi thường xong.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường cho anh Phạm Văn V, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội số tiền 2.950.000 (hai triệu, chín trăm năm mươi nghìn) đồng. Được trừ vào số tiền 2.950.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2016/6090 ngày 03/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận Bị cáo đã bồi thường xong.

- Trả lại cho anh Phạm Văn V, sinh năm 1973; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, Thành phố Hà Nội số tiền 5.940.000 (năm triệu, chín trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2016/6091 ngày 03/3/2021 và Biên lai thu tiền số AA/2016/6090 ngày 03/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

- Buộc bị cáo Tạ Hồng D phải truy nộp số tiền thu lời bất chính là 5.770.000 (năm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng. Được trừ vào số tiền 320.000 đồng đã bị thu giữ theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản tại kho bạc Nhà nước huyện Đông Anh lập ngày 27/01/2021 - Tài khoản số: 3949.0.9056757.00000. Bị cáo còn phải truy nộp 5.450.000 (năm triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải truy nộp số tiền thu lời bất chính là 5.770.000 (năm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng.

5. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu LGV40 vỏ màu xám, bên trong lắp sim số 0862961345; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 vỏ màu đen, số Imei: 356678051895319; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng, bên trong lắp sim số thuê bao 0969628980 và 01 thẻ nhớ Samsung 64EVO, theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 26/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo khoác có mũ màu vàng nâu bên trong lớp áo lông màu trắng; 01 chiếc mũ lưỡi chai vải màu đen có chữ ICON phía trước màu trắng; 01 chiếc áo khoác gió màu ghi đen có hai cánh tay màu xanh, theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 26/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

6. Về án phí:

- Bị cáo Tạ Hồng D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về Quyền Kháng cáo:

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Công an huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phi Hùng